

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 304/2026/DS-PT

Ngày: 24/4/2026

V/v: "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyến

Bà Đào Thị Kiều Vân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai,

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2026/TLPT-DS ngày 10/3/2026 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 306/2025/DS-ST ngày 20/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 279/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thanh N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số A, đường N, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Hồng M, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Thế P, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ B, ấp T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2025) có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Do có quan hệ quen biết, bà có cho bà M vay tiền nhiều lần với số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Ngoài ra bà M còn giữ tiền hụi của bà cụ thể:

- Đối với số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)

+ Lần 1: Ngày 02/8/2022, bà cho bà M vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), bà M có viết và ký tên trên giấy vay tiền. Trên giấy vay tiền bà M có ghi nội dung “Tôi tên Nguyễn Hồng M có mượn cô N1 bằng số tiền 1.000.000.000 đồng” nhưng thực chất bà chỉ cho bà M mượn số tiền 100.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng.

+ Lần 2: Ngày 10/8/2022, bà cho bà M vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), bà M có ghi giấy vay tiền, hiện bà M đang giữ bản chính giấy vay tiền. Các bên có thỏa thuận lãi là 5%/tháng. Đến ngày 30/8/2024, bà M viết giấy xác định còn nợ bà số tiền 127.000.000 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu đồng).

Ngày 10/9/2022, bà M trả cho bà 15.000.000 đồng tiền lãi. Đây là tiền lãi của hai khoản vay vào ngày 02/8/2022 và ngày 10/8/2022. Sau đó bà M không trả lãi cho bà nữa.

+ Lần 3: Ngày 15/11/2022, bà cho bà M vay số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng). Các bên không viết giấy vay tiền. Bà có nhờ bà Hoàng Trinh L chuyển khoản cho bà Nguyễn Hồng M số tiền 140.000.000 đồng. Các bên không có thỏa thuận lãi.

+ Lần 4: Vào tháng 12/2022, khi bà hốt hụi thì bà M mượn lại của bà 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Bà M có ghi giấy với nội dung “giữ lại 60.000.000 đồng”. Các bên không có thuận lãi. Bà M cũng không có trả tiền lãi cho bà.

Tổng số tiền bà M vay của bà là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Tổng số nợ gốc bà M đã trả cho bà là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 15/11/2022, bà M trả cho bà 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Bà M trừ vào tiền hụi bà đã chơi. Các bên không có viết giấy giao nhận.

+ Lần 2: Ngày 15/01/2023, bà M trả cho bà 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

+ Lần 3: Ngày 15/02/2023, bà M trả cho bà 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

+ Lần 4: Tháng 9/2023, bà M trả cho bà 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

+ Lần 5: Ngày 15/02/2024, bà M trả cho bà 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

+ Lần 6: Tháng 5/2024, bà M trả cho bà 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

+ Lần 7: Tháng 7/2024, bà M trả cho bà 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

+ Lần 8: Tháng 8/2024, bà M trả cho bà 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Tất cả các khoản tiền trên bà M trừ vào tiền hụi nên các bên không có lập giấy giao nhận tiền.

Ngày 10/9/202, bà, bà M trả cho bà 15.000.000 đồng tiền lãi. Đây là tiền lãi của hai khoản vay vào ngày 02/8/2022 và ngày 10/8/2022. Sau đó bà M không trả lãi cho bà nữa.

Tổng số tiền 500.000.000 đồng trả từ ngày 15/11/2022 đến ngày 15/8/2025 được 75.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 425.000.000 đồng. Cộng 2.000.000 đồng tiền lời của tháng 8 năm 2024, bà M còn nợ bà số tiền 427.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 130.000.000 đồng: Lần 1 ngày 05/10/2023, bà hốt hụi, bà M giữ của bà 70.000.000 đồng. Bà M trả tiền lời cho bà 4.000.000 đồng/tháng. Tính từ tháng 11/2023 đến tháng 8/2024 là 10 tháng tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Lần 2: ngày 15/3/2024 và tháng 4/2024, bà hốt hụi, bà M giữ của bà 60.000.000 đồng. Bà M trả tiền lời cho bà 3.000.000 đồng/tháng. Tính từ tháng 5/2024 đến tháng 8/2024 là 04 tháng, tổng số tiền là 12.000.000 đồng.

Tổng cộng bà M giữ tiền hốt hụi của bà là 130.000.000 đồng. Tổng tiền lời là 52.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 180.000.000 đồng là số tiền 4 chân hụi bà được hốt vào các ngày:

+ Ngày 5/10/2024, hốt hụi được 52.500.000 đồng.

+ Ngày 5/11/2024, hốt hụi được 52.500.000 đồng.

+ Ngày 15/11/2024, hốt hụi được 37.500.000 đồng.

+ Ngày 30/11/2024, hốt hụi được 37.500.000 đồng.

Tổng số tiền là 180.000.000 đồng.

- Tổng số tiền bà M nợ bà là : 757.000.000 đồng, trong đó:

+ Tổng 6 lần hốt hụi bà M giao thiếu cho bà là: 20.000.000 đồng.

+ Giấy mượn tiền ngày 02/8/2022: 100.000.000 đồng.

+ Giấy chuyển khoản cho bà M ngày 15/11/2022: 140.000.000 đồng.

+ Giấy giữ lại tiền hụi tháng 12/20202: 60.000.000 đồng.

+ Giấy bà M ghi giữ lại ngày 30/8/2022: 127.000.000 đồng.

+ Giấy 02 lần giữ lại tiền hụi tính tiền lời: 130.000.000 đồng.

+ Bốn lần được hốt hụi bà M lấy của bà: 180.000.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Hồng M phải trả cho bà số tiền 757.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi bảy triệu đồng). Bà không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bà M không có vay tiền của bà N. Do bà M có quan hệ quen biết với bà Võ Thị Ú (không rõ năm sinh, địa chỉ). Bà Ú có quan hệ làm ăn với bà N nên thường xuyên vay mượn tiền của bà N.

Ngày 02/8/2022, bà Ú có vay của bà N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Do bà Ú không biết chữ nên bà Ú có nhờ bà M viết giấy vay tiền giùm cho bà Ú. Do bà không hiểu biết pháp luật nên bà có ghi giấy vay tiền với nội dung “Tôi tên Nguyễn Hồng M có mượn cô N1 bằng số tiền 1.000.000.000 đồng” và ký tên trên giấy vay tiền. Chữ ký và chữ viết trên giấy vay tiền là của bà. Do bà không viết chữ không rành nên ghi nhầm 100.000.000 đồng thành 1.000.000.000 đồng.

Ngày 15/11/2022, bà Ú có mượn số tài khoản của bà M để bà N chuyển tiền cho bà Ú, bà M không biết rõ số tiền là bao nhiêu, bà N chuyển tiền cho bà Ú với mục đích gì. Sau khi bà N chuyển tiền bà Ú là người trực tiếp đi rút tiền.

Ngoài ra bà Ú có tham gia một số dây hụi do bà mở, bà có nghe bà Ú nói là có tham gia hụi giùm cho bà N, bà có nói với bà Ú bà chỉ biết bà Ú cho tham gia hụi của bà và bà có ghi sổ hụi tên bà Ú và không liên quan đến bà N. Hiện bà Ú đang làm gì ở đâu bà M không biết rõ.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà phải trả cho bà N số tiền 757.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi bảy triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên thì bà không đồng ý vì bà không có vay tiền của bà N, bà N cũng không tham gia chơi hụi với bà M.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 306/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai đã áp dụng .

- Áp dụng Điều 166; Điều 466; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thanh N đối với bị đơn bà Nguyễn Hồng M về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

- Buộc bà Nguyễn Hồng M phải trả cho bà Hoàng Thanh N số tiền 557.000.000 đồng (năm trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bà Hoàng Thanh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Hồng M chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thanh N đối với bị đơn bà Nguyễn Hồng M về việc buộc bà M phải trả số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) bà N hốt hụi vào các ngày 5/10/2024, ngày 5/11/2024, ngày 15/11/2024, ngày 30/11/2024 và 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) bà M thanh toán thiếu sau 6 lần bà N hốt hụi.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Hồng M phải chịu 26.280.000 đồng (hai mươi sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Hoàng Thanh N thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 23/9/2025, bà Hoàng Thanh N có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Ngày 23/9/2025, bà Nguyễn Hồng M có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bà N kháng cáo nhưng tại cấp phúc thẩm đã rút đơn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của bà N. Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà N là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bà M kháng cáo cho rằng các giấy tờ do nguyên đơn xuất trình không phải chữ viết của bà M nhưng không yêu cầu giám định chữ viết, cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới. Lời trình bày của bà M không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và mâu thuẫn với chính lời trình bày của bà tại cấp sơ thẩm nên không có cơ sở

xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Ngày 23/9/2025, bà Hoàng Thanh N có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà. Ngày 19/3/2026, bà N có Đơn xin rút kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà N.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà M:

[2.2.1] Bà M cho rằng không vay mượn tiền của bà N, số tiền 100.000.000 đồng là bà viết dùm cho bà Ú (không rõ họ và địa chỉ), bà Ú vay tiền của bà N nhưng không biết chữ nên nhờ bà viết dùm (bl 55). Lời trình bày này của bà M không được bà N thừa nhận và cũng không phù hợp với nội dung của giấy mượn tiền: “Tôi tên Nguyễn Hồng M có mượn cô N1 bằng số tiền 1.000.000.000” (bút lục 49). Thậm chí, bà M cũng không cung cấp được thông tin cụ thể, chính xác của bà Ú nên cấp sơ thẩm bác bỏ lời khai nại của bà M, chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 100.000.000 đ này của bà N là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bà M lại cho rằng bà vay 100.000.000 đ của bà N1 chứ không phải của bà N. Lời trình bày này của bà M mâu thuẫn với chính lời trình bày trước đó của bà tại cấp sơ thẩm nên không được chấp nhận.

[2.2.2] Đối với số tiền 140.000.000 đồng, bà N nhờ bà Hoàng Trinh L và ông Vũ Quang M1 chuyển khoản cho bà M vào ngày 15/11/2022:

Quá trình làm việc tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà M cho rằng: Ngày 15/11/2022, bà Ú có mượn số tài khoản của bà M để bà N chuyển tiền cho bà Ú, bà M không biết rõ số tiền là bao nhiêu, bà N chuyển tiền cho bà Ú với mục đích gì. Sau khi bà N chuyển tiền bà Ú là người trực tiếp đi rút tiền. Tuy nhiên, bà M cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà Ú mượn tài khoản của bà M.

Tại phiên tòa sơ thẩm (lần 2) cũng như tại cấp phúc thẩm, bà M lại cho rằng việc ông M1 chuyển tiền cho bà M là hoàn toàn tự nguyện. Nếu ông M1 có yêu cầu hoàn trả thì đó là việc giữa ông M1 và bà M, không liên quan đến bà N. Mặc dù trước đó ông Vũ Quang M1 đã xác nhận việc ngày 15/11/2022, bà

N có nhờ ông M1 chuyển tiền vào số tài khoản mang tên Nguyễn Hồng M số tiền 140.000.000 đồng. Ông chỉ là người chuyển tiền dùm cho bà N không liên quan gì đến số tiền trên.

Xuất phát từ nhận định bà N có nhờ ông M1 chuyển tiền vào tài khoản của bà M số tiền 140.000.000 đồng là thật. Nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đối với số tiền 140.000.000 đồng là có cơ sở.

[2.2.3] Đối với số tiền 127.000.000 đồng theo giấy có nội dung “con còn giữ 127.000.000 đồng” (bút lục 36)

Quá trình giải quyết vụ án, bà N cung cấp cho Tòa án giấy có nội dung “con còn giữ 127.000.000 đồng”. Bà M xác định nội dung trên giấy là do bà ghi cho bà N nhưng mục đích để tính tiền lãi, số tiền thực tế không phải là 127.000.000 đồng. Ngoài ra bà M không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

[2.2.4] Đối với số tiền 390.000.000 đồng phát sinh từ quan hệ chơi hụi: Quá trình giải quyết vụ án bà M xác định: “Tất cả các giấy tờ có nội dung vay tiền và khai hụi, giao hụi (mà bà N cung cấp cho Tòa án) là do tôi viết và ký tên” (bl 54). Tuy nhiên, bà lại cho rằng nội dung trên những giấy tờ trên là bà M ghi cho bà Ú chứ không phải ghi cho bà N. Do bà M không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc này nên cấp sơ thẩm đã bác bỏ lời trình bày này của bà M. Ngoài ra, bà M còn thừa nhận là bà thuê nhà của bà N nhưng lại cho rằng chữ “chủ nhà” trong các giấy chơi hụi do bà N cung cấp chính là bà vì “chị thuê nhà cũng là chủ nhà” là hoàn toàn không hợp lý.

Tại cấp phúc thẩm, bà M lại cho rằng chữ viết trên cùng các chữ viết trên các giấy tờ về hụi mà bà N cung cấp cho Tòa án không phải là của bà M. Điều này mâu thuẫn với chính lời khai của bà M tại Biên bản đối chất ngày 07/7/2025 giữa bà M và bà N. Tòa án cấp phúc thẩm cũng đã yêu cầu bà M làm Đơn yêu cầu giám định chữ viết chữ ký và cũng cấp các giấy tờ, tài liệu có chữ ký của bà để phục vụ cho việc giám định. Tuy nhiên, đến thời điểm mở phiên tòa phúc thẩm, bà M vẫn không nộp Đơn yêu cầu giám định chữ viết chữ ký và cũng cấp các giấy tờ, tài liệu liên quan nên cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét.

Mặc dù khẳng định bà M không vay tiền, cũng không nợ tiền hụi của bà N nhưng bà M lại kháng cáo cho rằng bà N không báo trước cho bà M một thời gian hợp lý theo Điều 469 Bộ luật dân sự mà đã khởi kiện ra tòa là không đúng. Từ đó, bà M cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Từ đó đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của bà N và xử lý vi phạm tố tụng. Theo trình bày của nguyên đơn có trong hồ sơ thì trước khi khởi kiện ra tòa, gia đình bà đã gọi M ra đàm phán nhưng M chối cãi

nên bà phải báo Công an. Khi Công an mời Muội ra làm việc, M lại cho rằng số tiền hụi của bà N, M đã đưa cho Ú (b1 82).

Từ những phân tích trên cho thấy, bà M kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ gì mới, trình bày trước sau mâu thuẫn, không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ cũng như quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bà M phải chịu 300.000 đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Hoàng Thanh N được miễn nộp án phí.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của bà Hoàng Thanh N.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, bác toàn bộ đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Hồng M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 306/2025/DS-ST ngày 20/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1– Đồng Nai.

- Áp dụng Điều 166; Điều 466; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thanh N đối với bị đơn bà Nguyễn Hồng M về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

- Buộc bà Nguyễn Hồng M phải trả cho bà Hoàng Thanh N số tiền 557.000.000 đồng (năm trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bà Hoàng Thanh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Hồng M chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thanh N đối với bị đơn bà Nguyễn Hồng M về việc buộc bà M phải trả số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) bà N hốt hụi vào các ngày 5/10/2024, ngày 5/11/2024, ngày 15/11/2024, ngày 30/11/2024 và 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) bà M thanh toán thiếu sau 6 lần bà N hốt hụi.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồng M phải chịu 26.280.000 đồng (hai mươi sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hoàng Thanh N thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà M phải chịu 300.000 đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002056 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bà Hoàng Thanh N được miễn nộp án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Hồng L1 – Đào Thị Kiều Vân Nguyễn Thị Lệ T

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.
- Tòa án nhân dân KV1 - Đồng Nai;
- Phòng THADS KV1- Đồng Nai;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ T